TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109**/2021/DS-PT
Ngày: 12-3-2021
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tự
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long và ông Phạm Việt Cường
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 65/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi lại tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo; giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị L (sinh năm 1971); địa chỉ: Khu phố Y, Phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng M; địa chỉ: 43 đường T, Khu phố Y2, Phường Y3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019).

**** Bị đơn:*** Ông Lê Văn T1 (sinh năm 1967); địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Thanh L; địa chỉ: 71 đường Tr, phường H, quận T2, thành phố Đà Nẵng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: số 01 đường H3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ủy ban nhân dân phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Đường P1, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Lê Thị A (sinh năm 1966); địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Lê Thị H2 (sinh năm 1954) và bà Lê Thị Đ2 (sinh năm 1964); địa chỉ: Khu phố Y2, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Lê Thị C1 (sinh năm 1956); địa chỉ: Thôn TĐ, xã C3, huyện C4, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà H2, Đương, C1: Bà Lê Thị A; địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - là người đại diện theo ủy quyền (các văn bản ủy quyền ngày 06/8/2019).

+ Ông Lê Văn M1 (sinh năm 1952); địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Lê Minh Th2 (sinh năm 1963); địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của ông Th2: Ông Lê Văn M1; địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/8/2019).

+ Bà Bùi Thị H4 (sinh năm 1975); địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà H4: Ông Lê Văn T1; địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị H4: Ông Lê Thanh L; địa chỉ: 71 đường Tr, phường H, quận T2, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Lê Tấn T3 và chị Lê Thị Bảo K; cùng địa chỉ: địa chỉ: Khu phố Y4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Lê Thị C - đại diện dòng họ Lê M2; địa chỉ: 455 Quốc lộ 9, Khu phố Y, Phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Ông Nguyễn Đức Ch; địa chỉ: Khu phố Y, Phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/9/2020).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cụ ông Lê D, sinh năm 1915, chết ngày 20/6/1972 (trích lục khai tử số 27/TLKT do ủy ban nhân dân (UBND) phường Đ1 cấp ngày 05/9/2018.

Cụ bà Lê Thị Th1, sinh năm 1922, chết ngày 26/12/1989 (trích lục khai tử số 28/TLKT do UBND phường Đ1 cấp ngày 05/9/2018.

Cụ D và cụ Th1 sinh được 8 người con, gồm: Lê Văn M1, Lê Thị H2, Lê Thị C1, Lê Minh Th2, Lê Thị Đ2, Lê Thị A, Lê Văn T1, Lê Thị L, ngoài ra không có con riêng nào khác.

Cụ D và cự Thí chết không để lại di chúc. Di sản mà cụ D, cụ Th1 để lại gồm: Diện tích đất 1.334 m^2 đã được cụ Lê Thị Th1 đăng ký kê khai vào sổ đăng ký ruộng đất do UBND phường Đ1 lập năm 1984 diện tích 1.080 m^2, trong đó có 750 m2 đất loại T, tại thửa số 692, tờ bản đồ số 4.

Năm 2017, Nhà nước thu hồi 359m2 đất trong tổng diện tích đất do cụ Th1 và cụ D để lại, để xây dựng công trình đường HD, đã bồi thường và hỗ trợ về đất cho ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 số tiền 486.939.000 đồng, đồng thời ông T1 và bà H4 được giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư B1, thành phố Đ (lô số 55). Lúc này, bà L và các anh chị em trong gia đình mới biết ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 đã thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất do ba mẹ để lại, cụ thể: Sau khi cụ Th1 chết, ông T1 và bà H4 đã tự ý kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 20/4/2004, ông Lê Văn M1 và ông Lê Minh Th2 cùng với ông Lê Văn T1 đã cùng nhau lập biên bản họp gia đình với nội dung thỏa thuận giao toàn bộ di sản thừa kế là diện tích đất cụ Th1 đã đăng ký và sử dụng cho vợ chồng ông Lê Văn Tỉnh, bà Bùi Thị H4 sử dụng và thờ cúng ông bà. Biên bản được UBND phường Đ1 xác nhận. Trên cơ sở đó, UBND thị xã (nay là thành phố) Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Đ627782 ngày 16/4/2004 cho hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4.

Việc ông T1, bà H4 kê khai sử dụng đất và đứng tên trong GCNQSDĐ, bà L cũng như các anh chị em trong gia đình không hề biết. Lo sợ các anh chị em biết nên ông T1, bà H4 thường xuyên gây khó khăn, ngăn cản không cho các anh chị em về chăm lo hương khói, thực hiện đạo lý với cha mẹ.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Yêu cầu phân chia di sản thừa kế gồm 1.334 m^2 quyền sử dụng đất đã được đăng ký kê khai vào sổ đăng ký ruộng đất do UBND phường Đ1 lập năm 1984 với diện tích 1.080 m^2, trong đó có 750 m^2 loại đất T tại thửa số 692, tờ bản đồ số 4, mang tên Lê Thị Th1, cụ thể:

- Phân chia di sản là quyền sử dụng đất diện tích 746 m^2 (trong đó có 300 m^2 đất ở và 446 m^2 đất vườn) còn lại sau khi bồi thường giải phóng mặt bằng đường HD tại thửa đất số 67 tờ bản đồ số 29, GCNQSDĐ số Đ 627782 ngày 16/4/2005 mang tên Lê Văn T1 và Bùi Thị H4 theo hướng:

+ Giao cho ông Lê Văn T1 sử dụng phần diện tích trên đó có ngôi nhà mà gia đình ông T1 đang ở với ranh giới phía trước giáp đường HD, phía sau cách giọt nước (theo phương thẳng đúng) mái lợp của ngôi nhà 1,5 mét.

+ Giao cho 07 anh chị em bao gồm: Lê Thị L, Lê Thị C1, Lê Thị Đ2, Lê Thị H2, Lê Thị A, Lê Văn M1, Lê Minh Th2 sử dụng phần diện tích đất phía bên phải (theo hướng nhìn của ngôi nhà ra đường HD) của ngôi nhà tính từ mép ngoài tường

của ngôi nhà và phần diện tích phía sau của ngôi nhà với ranh giới cách giọt nước mái lợp phía sau của ngôi nhà 1,5 mét.

- Phân chia di sản là số tiền 486.939.000 đồng do Nhà nước hỗ trợ bồi thường khi thu hồi 359 m^2 quyền sử dụng đất do cha mẹ để lại để xây dựng công trình đường HD theo Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND thành phố Đ cho 08 đồng thừa kế, mỗi thừa kế được hường 60.867.375 đồng.

2. Yêu cầu tuyên bố chứng thực của UBND phường Đ1 là biên bản họp gia đình ngày 20/01/2004 giữa ông Lê Văn M1, Lê Minh Th2 và Lê Văn T1 vô hiệu.

3. Yêu cầu hủy GCNQSDĐ số Đ 627782 do UBND thị xã Đ cấp ngày 16/4/2004 cho hộ ông Lê Văn T1, bà Bùi Thị H4.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

- về yêu cầu phân chia di sản thừa kế:

+ về nguồn gốc thửa đất: Tài sản tranh chấp là thửa đất số 692, tờ bản đồ số 4 có diện tích 1.334 m^2 (Sổ đăng ký ruộng đất theo chỉ thị 299 năm 1984, nay là thửa số 67, tờ bản đồ số 29, phường Đ1 có nguồn gốc do ông Lê M2 T4 khai hoang, gây dựng nên từ thời phong kiến, hiện ngôi nhà thờ họ Lê M2 xây năm 1953 đang còn trên đất và do vợ chồng ông T1, bà H4 trông coi, hương khói, gìn giữ, bảo tồn và thờ cúng liệt sĩ Lê M2 L1.

Ông Lê M2 T4 có duy nhất 01 con trai là liệt sỹ Lê M2 L1 hy sinh trong kháng chiến chống Pháp. Liệt sỹ Lê M2 L1 có con gái duy nhất là bà Lê Thị C, hiện trú tại khu phố 4, Phường Y1, thành phố Đ.

Cụ Lê Thị Th1 là cháu gọi ông Lê M2 T4 bằng cậu. Năm 1972 cụ Lê D chết, thấy cụ Th1 nghèo khổ, đông con mà chưa có nhà cửa nên cho cụ Th1 vào ở và có trách nhiệm hương khói, thờ cúng ông bà tổ tiên họ Lê M2.

+ Quá trình quản lý, sử dụng đất:

Năm 1984, cụ Th1 đăng ký sử dụng đất với xã C4. Đến năm 1989, cụ Th1 chết. Sau này các anh chị trong gia đình xây dựng gia đình và ở riêng, chỉ còn ông T1 chưa lập gia đình, ông T1 thay mẹ thờ cúng ông bà tổ tiên họ Lê M2, liệt sĩ Lê M2 L1 và ông bà, cha mẹ tại Nhà thờ họ Lê M2.

Năm 1997, ông T1 lập gia đình và cùng với vợ là bà Bùi Thị H4 bỏ công sức, tiền bạc ra xây dựng, tôn tạo nhà thờ và xây dựng nhà ở (phía sau nhà thờ họ Lê M2).

Vì thửa đất trên do ông Lê M2 T4 - ông nội của bà Lê Thị C tạo lập từ thời phong kiến và hiện vẫn còn nhà thờ họ Lê M2 trên đất nên thửa đất 1.334 m^2 này và số tiền nhà nước bài thường khi thu hồi đất không phải di sản của cụ Lê D và Lê Thị Th1 để lại, nên bà Lê Thị L và các anh chị trong gia đình không có quyền yêu cầu chia thừa kế. Bà Lê Thị C là người duy nhất có quyền thừa kế nhưng đã đồng ý để vợ chồng ông T1, bà H4 được quyền sử dụng di sản và quản lý nhà thờ dòng họ Lê M2.

+ Đối với số tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 thì hộ ông T1 là đối tượng hộ gia đình đang sử dụng đất và có GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất, đủ điều kiện được Nhà nước bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Ngoài ra, khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013 quy định: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ỉà chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất". Như vậy GCNQSDĐ là một trong những văn bản pháp lý cao nhất chứng minh quyền sử dụng đất của hộ ông T1, bà H4 là hợp pháp, được Nhà nước bảo hộ.

- Về yêu cầu tuyên bố văn bản chúng thực vô hiệu:

Việc chứng thực chữ ký của các nhân, UBND phường Đ1 đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 4, Điều 24, Điều 56 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ. Bên cạnh đó, gia đình ông T1 được cấp GCNQSDĐ và xây dựng nhà cửa trên đất là công khai, đến nay đã hơn 15 năm. Các anh chị trong gia đình đều biết việc này. Do đó, yêu cầu tuyên bố văn bản chứng thực vô hiệu đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 312 Bộ luật dân sự 2015.

- Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ mang tên Lê Văn T1 và Bùi Thị H4:

Việc ông T1 lập hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ năm 2004 đã thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục Nhà nước quy định và đã được các cấp chính quyền từ Hội đồng đăng ký đất đai phường đến thị xã Đ xem xét, đủ điều kiện mới thực hiện việc cấp GCNQSDĐ.

Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ tham, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm bà Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị Đ2, Lê Thị C1, ông Lê Văn M1, Lê Minh Th2 trình bày:

Diện tích đất 746 m^2 được UBND thị xã (nay là thành phố) Đ cấp GCNQSDĐ số Đ627782 cho ông Lê Văn T1, bà Bùi Thị H4 và số tiền 486.939.000 đồng bồi thường và hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất trong tổng diện tích đất mà cụ Th1 và cụ D để lại để xây dựng công trình đường HD là di sản thừa kế của cụ Th1 và cụ D. Tài sản này không liên quan đến bà Lê Thị C cũng như nhà thờ họ Lê M2.

Bà Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị Đ2, Lê Thị C1, ông Lê Văn M1, Lê Minh Th2 nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn gồm bà Bùi Thị H4, anh Lê Tấn T3, chị Lê Thị Bảo K và người đại diện hợp pháp của họ trình bày: Nhất trí với ý kiến của bị đơn ông Lê Văn T1.

Theo văn bản số 1581/UBND-PTNMT ngày 29/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của UBND thành phố Đ trình bày:

Thửa đất hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 sử dụng được UBND phường Đ1 xác nhận có nguồn gốc của bố mẹ ở trước năm 1975 nay đều đã qua đời để lại cho con sử dụng, đất không có tranh chấp (kèm theo biên bản họp gia đình được UBND phường Đ1 xác nhận). Theo bản đồ địa chính năm 2001 của phường Đ1, thửa đất trên có vị trí tại thửa số 67, tờ bản đồ số 29 vợi diện tích 1.252 m^2, kê khai tên Lê Văn T1. Sau đó ông Lê Văn T1 đã lập hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND phường Đ1 xác nhận ngày 09/02/2004.

Trên cơ sở hồ sơ và các văn bản có liên quan, ngày 16/4/2004, UBND thị xã (nay là thành phố) Đ đã cấp GCNQSDĐ số Đ627782 tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 29, phường Đ1 với diện tích 746 m^2 đất cho hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4. Phần diện tích còn lại 506 m^2 đất thuộc quy hoạch mở đường chưa được cấp GCNQSDĐ.

Việc UBND thị xã (nay là thành phố) Đ đã cấp GCNQSDĐ số Đ627782 cho hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của UBND phường Đ1 trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 26/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị C và người đại diện hợp pháp của bà C trình bày:

Bà C là người con duy nhất của dòng họ Lê M2, thuộc làng TL (nay là khu phố 4), phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Thửa đất mà bà Lê Thị L yêu cầu phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 692, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.334 m^2 theo sổ đăng ký ruộng đất năm 1984, đây là thửa số 67 tờ bản đồ số 29 thuộc phường Đ1. Ông nội của bà C tên là Lê M2 T4, cha của bà C là Liệt sĩ Lê L1 cũng như gia đình bà C đều sống trên thửa đất này do tổ tiên để lại. Bà C là người cháu gái duy nhất của dòng họ Lê M2 và được thừa kế mảnh đất đó, trên mảnh đất hiện có nhà thờ dòng họ Lê M2.

Năm 1970, bà C lấy chồng và theo chồng vào Nam, đến năm 1975 bà C trở về quê và ở quê chồng, còn mảnh đất trên có bà Lê Thị Th1 vào làm nhà ở. Từ trước đến nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà C không có điều kiện xây dựng lại ngôi nhà thờ cho khang trang. Nay Nhà nước mở rộng đường HD có thu hồi phần đất thuộc nhà thờ họ Lê M2 với số tiền 484.939.000 đồng và một nền đất tái định cư tại phường Đ1.

Do đó, bà C có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 trả lại cho dòng họ Lê M2 (hiện bà Lê Thị C là cháu nội duy nhất của dòng họ) một phần số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đường HD mà ông T1 và bà H4 đã nhận, tương ứng phần Nhà nước thu hồi 160 m2 đất của nhà thờ họ Lê M2, với số tiền cụ thể là 217.000.000 đồng.

Bà C cũng xác nhận không giao quyền cho ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 quản lý, sử dụng đất đai nhà thờ cũng như nhận tiền bồi thường về mảnh đất đó.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định (tóm tắt):

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Lê Thị Th1 và cụ Lê D như sau:

1.1. Phân chia di sản thừa kế của cụ Lê D và cụ Lê Thị Th1 như sau:

- Giao cho ông Lê Văn T1 sử dụng phần diện tích đất diện tích 326 m^2 có ngôi nhà mà ông T1 đang ở.

+ Giao cho bà Lê Thị L, bà Lê Thị A, bà Lê Thị Đ2, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị H2, ông Lê Văn M1, ông Lê Minh Th2 đồng sử dụng phần diện tích đất diện tích 420m^2.

1.2. Phân chia lợi ích do di sản thừa kế của cụ Lê D và cụ Lê Thị Th1 đem lại là số tiền 269.939.000 đồng Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất như sau:

- Ông Lê Văn T1 được hưởng 101.227.125 đồng.

- Bà Lê Thị L, Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị Đ2, Lê Thị C1, ông Lê Văn M1, ông Lê Minh Th2 đồng hưởng 168.711.875 đồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết yêu cầu độc lập của bà Lê Thị C. Ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 có nghĩa vụ liên đới trả cho dòng họ Lê M2 do bà Lê Thị C làm đại diện số tiền 217.000.000 đồng.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ627782 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp ngày 16/4/2004 cho hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4."

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/20202, bị đơn ông Lê Văn T1 có đơn kháng cáo yêu cầu:

- Xác định lại phần tài sản thừa kế mà mỗi người được nhận theo đúng qui định pháp luật.
- Giao tài sản thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông T1 và ông T1 thanh toán tiền cho các đồng thừa kế.
- Giao phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 quản lý để thực hiện các thủ tục về đất đai theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng vợ chồng ông T1,

bà H4 là người quản lý, sử dụng và có công gìn giữ di sản thừa kế do cụ D, cụ Th1 để lại nên đề nghị giao toàn bộ di sản cho ông T1 và ông T1 có nghĩa vụ thối trả giá trị cho các đồng thừa kế khác. Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết thối trả chênh lệch giá trị đối với diện tích đất 47m^2 là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T1. Bản án sơ thẩm chưa xem xét công sức gìn giữ di sản của bà H4 là vợ ông T1; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng thời về số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất được phân chia là 168.711.875 đồng, Tòa án cần tuyên rõ vợ chồng ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho các đồng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về di sản thừa kế:

[1] Diện tích đất mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế được UBND phường Đ1 xác nhận do cụ Lê D và Lê Thị Th1 sử dụng từ trước năm 1975 (trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4), là tài sản chung của vợ chồng cụ Lê D và cụ Lê Thị Th1.

[2] Năm 1972, cụ Lê D chết. Cụ Th1 tiếp tục sử dụng đất và kê khai sử dụng diện tích 1.080 m^2 tại thửa số 692, tờ bản đồ số 4 sổ đăng ký ruộng đất năm 1984 của phường Đ1 (xã C4 cũ). Năm 1989, cụ Th1 chết không để lại di chúc. Như vậy, quyền sử dụng đất 1.080 m^2 cụ Th1 kê khai năm 1984 và 01 ngôi nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng cụ D, cụ Th1, được xác định là di sản thừa kế theo qui định tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

[3] Trong diện tích 1.080 m^2 đất là di sản thừa kế có 746 m^2 đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số Đ627782 ngày 16/4/2004 cho hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4, 199 m^2 đã được Nhà nước thu hồi năm 2017 khi thực hiện tiểu dự án mở rộng đường HD, phần diện tích còn lại 135 m^2 nằm trong quy hoạch mở rộng đường HD, hiện chưa được cấp GCNQSDĐ.

[4] Phần diện tích 135 m^2 là di sản thừa kế nhưng hiện nằm trong quy hoạch mở rộng đường HD, nguyên đơn không yêu cầu phân chia di sản thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, chỉ phân chia thừa kế đối với 746 m^2 đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T1, bà H4 và 01 ngôi nhà trên đất.

[5] Về tiền bồi thường do thu hồi đất:

Năm 2017, khi thực hiện tiểu dự án đường HD thuộc Dự án phát triển đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông Quảng Trị, hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 511.530.000 đồng do Nhà nước thu hồi 359 m^2 đất, trong đó bồi thường về đất là 486.939.000 đồng. Theo sơ đồ thu hồi đất thì trong số 359 m^2 đất bị thu hồi này chỉ có 199 m2 (tương đương giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 269.939.000 đồng) nằm trong phần đất mà cụ Th1 và cụ D để lại, 160 m^2 còn lại (tương đương giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 217.000.000 đồng) nằm trong phần đất có Nhà thờ họ Lê

M2, đã được UBND phường Đ1 xác nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền bồi thường do thu hồi đất 269.939.000 đồng trên là di sản thừa kế là đúng pháp luật.

Về phân chia di sản thừa kế:

[6] Cụ D và cụ Th1 có 08 người con bao gồm Lê Văn M1, Lê Thị H2, Lê Thị C1, Lê Minh Th2, Lê Thị Đ2, Lê Thị A, Lê Văn T1, Lê Thị L; được hưởng phần ngang nhau đối với di sản mà cụ Th1 và cụ D để lại. Tuy nhiên, theo biên bản họp gia đình ngày 20/01/2004 thì ông Lê Văn M1 và ông Lê Minh Th2 đã tự nguyện giao lại phần di sản thừa kế mà họ được hưởng cho ông Lê Văn T1. Việc từ chối nhận di sản này là tự nguyện, được quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự, do đó ông Lê Văn T1 được hưởng 3 kỷ phần, bao gồm phần của ông T1 và phần của ông M1, ông Th2. Ngoài ra, ông T1 còn được xem xét công sức của người quản lý di sản theo quy định tại Điều 618 Bộ luật dân sự 2015.

[7] Bà Lê Thị A, Lê Thị Đ2, Lê Thị C1, Lê Thị H2, Lê Thị L đề nghị được nhận chung phần đất và phần tiền bồi thường được chia, đồng thời đề nghị cho ông Lê Minh Th2 và ông Lê Văn M1 đồng sở hữu chung nhằm mục đích xây dựng nhà thờ. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức xã hội và không trái pháp luật, là phù hợp.

[8] Về phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích 746 m^2 đất tại khu phố Y4, phường Đ1 đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T1, bà H4 và 01 ngôi nhà trên đất, Tòa án sơ thẩm phân chia 746 m^2 đất theo hướng chia hiện vật:

+ Giao cho ông Lê Văn T1 sử dụng phần diện tích đất có ngôi nhà mà ông đang ở, diện tích 326m^2.

+ Giao cho bà Lê Thị L, bà Lê Thị A, bà Lê Thị Đ2, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị H2, ông Lê Văn M1, ông Lê Minh Th2 đồng sử dụng phần diện tích đất phía bên phải (theo hướng nhìn của ngôi nhà ra đường HD) của ngôi nhà, diện tích 420m^2.

[9] Xét trên diện tích đất phân chia di sản thừa kế có 01 ngôi nhà cấp 4 mà hiện ông T1 và bà H4 đang sinh sống ổn định, nguyên đơn không có yêu cầu đối với ngôi nhà nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Lê Văn T1 phần diện tích đất có ngôi nhà là hợp lý, đồng thời giao thêm cho ông T1 phần diện tích đất phía sau nhà phụ để vợ chồng ông T1 sử dụng sản xuất nông nghiệp, trồng cây hoa màu và tính công sức cho vợ chồng ông T1 20% diện tích đất = 149,2 m^2 và phần của người thừa kế (03 kỷ phần) = 223,8m^2. Tổng cộng diện tích đất giao cho vợ chồng ông T1 là 373 m^2 là thỏa đáng, đảm bảo quyền lợi của vợ chồng ông T1. Phần diện tích còn lại giao cho các anh chị em Lê Thị L, Lê Thị C1, Lê Thị Đ2, Lê Thị H2, Lê Thị A, Lê Văn M1 và Lê Minh Th2 đồng sử dụng chỉ có 420m^2, sử dụng vào mục đích làm nhà thờ là không lớn.

[10] Do đó, về yêu cầu nhận toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và thanh toán cho các thừa kế khác: Theo qui định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự: *"Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật"*, Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận hiện vật là có căn cứ, đúng pháp luật nên không thể chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung này. Về yêu cầu thối trả giá trị chênh lệch, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các đồng thừa kế đã nhường cho ông T1 sử dụng phần diện tích đất có ngôi nhà là tài sản có giá trị lớn, nên không cần phải buộc bà L, C1, Đ2, H2, A, ông

M1, ông Th2 trả giá trị phần chênh lệch cũng đảm bảo được quyền lợi của ông T1, là phù hợp với thực tế nên kháng cáo về nội dung này không được chấp nhận. Về quyền lợi của bà H4, bản án sơ thẩm đã trích 20% diện tích đất để tính công sức cho vợ chồng ông T1 là thỏa đáng nên yêu cầu tính thêm công sức cho bà H4 là không có cơ sở.

[11] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên không xét. Ông Lê Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng Điều 684 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 579, Điều 612, khoản 3 Điều 618, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tiểu mục 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018;

Áp dụng khoản 6 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Lê Thị Th1 và cụ Lê D.

1.1. Phân chia di sản thừa kế của cụ Lê D và cụ Lê Thị Th1 như sau:

- Giao cho ông Lê Văn T1 sử dụng phần diện tích đất (Thửa số 1) có ngôi nhà mà ông T1 đang ở, có vị trí: Phía Tây Bắc giáp phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát đường khu vực, phía Đông Bắc giáp thửa đất số 55, 68, tờ bản đồ số 29, phường Đ1; phía Tây Nam giáp phần đất chia cho bà A, Đ2, L, H2, C1, ông M1, Th2; phía Đông Nam giáp phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát đường HD. Cụ thể: Ranh giới phía trước giáp phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát đường HD, phía sau cách tường nhà chính là 0,5 mét, phần đất có nhà phụ kéo dài giáp phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát đường khu vực, phía bên phải theo hướng nhìn của ngôi nhà ra đường HD tính từ mép ngoài tường của phần chái và mép ngoài bậc tam cấp; tổng diện tích 326 m^2 (131 m^2 đất ở, 195 m^2 đất vườn) tại thửa số 67, tờ bản đồ số 29, phường Đ1, thành phố Đ, được xác định bởi hệ tọa độ VN-2000 như

sau:

Thửa 1:

+ Điểm gốc số 1: X(m) 1860686.850, Y(m) 587676.925;
+ Điểm gốc số 2: X(m) 1860675.244, Y(m) 587686.426;
+ Điểm gốc số 3: X(m) 1860664.751, Y(m) 587695.009;
+ Điểm gốc số 4: X(m) 1860656.533, Y(m) 587686.102;
+ Điểm gốc sé 5: X(m) 1860664.413, Y(ih) 587678.243;
+ Điểm gốc số 6: X(m) 1860662.304, Y(m) 587676.122;
+ Điểm gốc số 7: X(m) 1860666.854, Y(m) 587671.652;
+ Điểm gốc số 8: X(m) 1860674.229, Y(m) 587678.976;
+ Điểm gốc số 9: X(m) 1860682.058, Y(m) 587671.107.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Ông Lê Văn T1 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định pháp luật.

+ Giao cho bà Lê Thị L, bà Lê Thị A, bà Lê Thị Đ2, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị H2, ông Lê Văn M1, ông Lê Minh Th2 đồng sử dụng phần diện tích đất (Thửa số 2) có vị trí: Phía Tây Bắc giáp phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát đường khu vực; phía Đông Bắc giáp phần đất chia cho ông Lê Văn Tỉnh; phía Tây Nam giáp thửa đất số 70, 83, tờ bản đồ số 29, phường Đ1; phía Đông Nam giáp phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát đường HD. Cụ thể: Phía bên phải (theo hướng nhìn của ngôi nhà ra đường HD) của ngôi nhà, tính từ mép ngoài tường của phần chái và mép ngoài bậc tam cấp, phía sau cách tường của nhà chính 0,5 mét kéo dài đến phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát đường khu vực; tổng diện tích 420m^2 (169 m^2 đất ở, 251 m^2 đất vườn) tại thửa số 67, tờ bản đồ số 29, phường Đ1, thành phố Đ, được xác định bởi hệ tọa độ VN-2000 như sau:

Thửa 2:

+ Điểm gốc số 4 X(m) 1860656.533, Y(m) 587686.102;
+ Điểm gốc số 5 X(m) 1860664.413, Y(m) 587678.243;
+ Điểm gốc số 6 X(m) 1860662.304, Y(m) 587676.122;
+ Điểm gốc số 7 X(m) 1860666.854, Y(m) 587671.652;
+ Điểm gốc số 8 X(m) 1860674.229, Y(m) 587678.976;
+ Điểm gốc số 9 X(m) 1860682.058, Y(m) 587671.107;
+ Điểm gốc số 10: X(m) 860672.092, Y(m) 587659.036;
+ Điểm gốc số 11: X(m) 1860652.415, Y(m) 587670.509;
+ Điểm gốc số 12: X(m) 1860646.306, Y(m) 587675.063.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Bà Lê Thị L, Lê Thị A, Lê Thị Đ2, Lê Thị C1, Lê Thị H2, ông Lê Văn M1 và ông Lê Minh Th2 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định pháp luật.

1.2. Phân chia di sản thừa kế của cụ Lê D và cụ Lê Thị Th1 là số tiền **269.939.000** đồng Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất như sau:

- Ông Lê Văn T1 được hưởng 101.227.125 đồng.
- Bà Lê Thị L, Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị Đ2, Lê Thị C1, ông Lê Văn M1, ông Lê Minh Th2 đồng hưởng 168.711.875 đồng.
- Ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho các đồng thừa kế Lê Thị L, Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị Đ2, Lê Thị C1, ông Lê Văn M1, ông Lê Minh Th2 số tiền 168.711.875 đồng trên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết yêu cầu độc lập của bà Lê Thị C:

Ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 có nghĩa vụ liên đới trả cho dòng họ Lê M2 do bà Lê Thị C làm đại diện số tiền 217.000.000 đồng.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ627782 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp ngày 16/4/2004 cho hộ ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn T1 phải chịu 23.827.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Lê Thị A, bà Lê Thị H2, bà Lê Thị Đ2, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị L, ông Lê Văn M1, ông Lê Minh Th2 phải liên đới chịu 31.076.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.947.000 đồng bà Lê Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000086 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Các ông, bà: A, H2, Đ2, C1, L, ông M1, Th2 còn phải liên đới chịu 26.129.000 đồng.
- Ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị H4 phải liên đới chịu 10.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Lê Thị C không phải án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.425.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/00073 8 ngày 31/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

5. Về chi phí tố tụng khác:

- **Chi phí định giá tài sản:**

Ông Lê Văn T1 phải chịu 525.000 đồng và phải hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền này.

Bà Lê Thị L, Lê Thị H2, Lê Thị Đ2, Lê Thị A, Lê Thị C1, ông Lê Văn M1, Lê Minh Th2 phải liên đới chịu 875.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền mà bà Lê Thị L đã nộp. Các ông, bà: L, H2, Đ2, A, C1, M1, Th2 đã nộp đủ.

- **Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:**

Ông Lê Văn T1 phải chịu 810.00,0 đồng và phải hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền này.

Bà Lê Thị L, Lê Thị H2, Lê Thị Đ2, Lê Thi C1, ông Lê Văn M1, Lê Minh Th2 phải liên đới chịu 1.350.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền mà bà Lê Thị L đã nộp. Các ông, bà: L, H2, Đ2, A, C1, M1, Th2 đã nộp đủ.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2010/000767 ngày 23/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự